

Số: 09 /2023/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ
phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Thực hiện Thông báo kết luận số 680-TB/TU ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025;

NMTK

Xét Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn năm 2023 đến hết năm 2025, gồm:

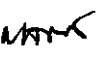
1. Hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ.
2. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
3. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ.
4. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia và Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, tổ chức có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh Thái Bình và có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại tỉnh Thái Bình; trừ các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.
2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý và thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng.
2. Các chính sách hỗ trợ chỉ áp dụng một lần cho cùng một đối tượng và nội dung hỗ trợ. Đối với cùng nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp, tổ chức khi đã được hưởng các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh thì không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.
3. Các đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ phải hoàn trả lại kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách nhà nước.



Điều 4. Hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thực hiện nhận chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; có hợp đồng chuyển giao công nghệ và có Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ;

b) Công nghệ nhận chuyển giao được ứng dụng trong thực tiễn sản xuất kinh doanh của đơn vị nhằm tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên: Hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng: Hỗ trợ 35% giá trị hợp đồng nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/hợp đồng.

c) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 500 triệu đồng: Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp sau khi Hợp đồng chuyển giao công nghệ được thanh lý.

Điều 5. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới;

- Doanh nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một phần kinh phí trả tiền công lao động trực tiếp

Mức hỗ trợ: 50% kinh phí trả tiền công lao động trực tiếp nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.



Hình thức hỗ trợ: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình.

Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

- Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: Đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ).

Mức hỗ trợ: 50% kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhưng tối đa không quá 80 triệu đồng/doanh nghiệp.

Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp sau khi Hợp đồng được thanh lý.

- Hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ.

Mức hỗ trợ: 50% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.

Hình thức hỗ trợ: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

2. Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100 triệu đồng/doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 6. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức có công nghệ mới, sản phẩm mới được tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở trong nước hoặc nước ngoài;

13/10

b) Công nghệ mới, sản phẩm mới phải được công bố theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở trong nước;

Mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở ngoài nước;

Mức hỗ trợ: 150 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức sau khi trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở trong nước hoặc ngoài nước.

Điều 7. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia và Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương

1. Điều kiện hỗ trợ

Các doanh nghiệp, tổ chức đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương chứng nhận.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

- Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: 15 triệu đồng.

- Đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia: 20 triệu đồng.

- Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 30 triệu đồng.

3. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức sau khi đạt giải.

Điều 8. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm của ngân sách địa phương (Ngân sách địa phương bố trí thêm 70% vốn để thực hiện cơ chế chính sách ngoài mức dự toán chi theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm).

MKT

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành